

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CP
TỈNH QN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2021

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CP, TỈNH QN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà TTT.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông NTQ.

2. Bà BTKL.

- Thư ký phiên tòa: Bà VTL - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CP tham gia phiên tòa: Bà TTTH - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CP, tỉnh QN, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 194/2021/TLST - HNGĐ ngày 01/6/2021, về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị PTT, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã TL, huyện VĐ, tỉnh QN. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh NVC, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 20, khu 2, phường CP, thành phố CP, tỉnh QN. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị PTT trình bày: Năm 1994 Chị T và anh C được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, sau khi cưới hai người chung sống với nhau cho đến nay không đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, phường nào. Thời gian đầu chị T và anh C chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên cuối năm 2015 chị T và anh C sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C để ổn định cuộc sống.

Anh NVC vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh C trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải về thời gian chung sống với chị T mà không đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn của anh và chị T như chị T khai là đúng, từ năm 2014 đến nay anh và chị T mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau, vì vậy anh C cũng đề nghị ly hôn với chị T.

Chị T và anh C có 03 con chung là NTPT, sinh ngày 23/02/1994; NTT, sinh ngày 04/9/1999 và NTĐ, sinh ngày 07/12/2007. Chị T và anh C đều có quan điểm 2 con Thúy và Thùy đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con NTĐ cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị T không phải cấp dưỡng cho con chung.

Chị T và anh C không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị PTT và anh NVC là vợ chồng. Giao con NTĐ, sinh ngày 07/12/2007 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố CP nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh NVC cư trú tại tổ 20, khu 2A, phường CP, thành phố CP, tỉnh QN. Theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CP và thuộc trường hợp xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị PTT và anh NVC chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố CP và Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VĐ xác nhận. Xét thấy chị T và anh C không tuân thủ quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, vi phạm thủ tục đăng ký kết hôn, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị PTT và anh NVC là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương Thúy, sinh ngày 23/02/1994; NTT, sinh ngày 04/9/1999 và NTĐ, sinh ngày 07/12/2007.

Hai con T và T đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết. Con NTĐ chưa thành niên, chị T và anh C có quan điểm anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con NTĐ cho đến khi thành niên, chị T không phải cấp dưỡng cho con Đạt là phù hợp với nguyện vọng của con Đạt, đảm bảo đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, vay nợ chung*: Chị T và anh C không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Chị T và anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị PTT và anh NVC là vợ chồng.

Về con chung: Giao con NTĐ, sinh ngày 07/12/2007 cho anh NVC trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); Chị PTT không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị PTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005889 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CP, tỉnh QN. Chị PTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/7/2021).

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tp. CP;
- TAND tỉnh QN;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- CCTHADS tp. CP;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TTT

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN ĐỒN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Túc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Cầu và bà Nguyễn Thị Quả

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vào hồi 10 giờ 05 phút ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện VĐ, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Hiền, sinh năm 1994, có mặt.

Trú tại: Tổ 6, khu Vĩnh Thông, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh QN.

+ Bị đơn: Anh Lục Văn Dưỡng, sinh năm 1988, vắng mặt.

Trú tại: Khu 4, thị trấn Cái Rồng, huyện VĐ, tỉnh QN

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên toà, tranh luận tại phiên toà.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về yêu cầu khởi kiện và căn cứ pháp luật để quyết định:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81, Điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Hiền. Chị Nguyễn Thị Thu Hiền được ly hôn anh Lục Văn Dưỡng. Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về con chung: Giao cho anh Lục Văn Dưỡng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lục Tuấn Kiệt - sinh ngày 08/7/2013 cho đến khi

con thành niên (18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Thu Hiền không phải cấp dưỡng nuôi con Lục Tuấn Kiệt. Kết quả biểu quyết: 3/3

Chị Nguyễn Thị Thu Hiền có quyền, nghĩa vụ thăm nom con Lục Tuấn Kiệt mà không ai được cản trở. Kết quả biểu quyết: 03/03.

3. Về tài sản, vay nợ: Chị Hiền không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Hiền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị Hiền đã nộp ngày 15/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VĐ. Chị Hiền đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Hiền có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Kết quả biểu quyết: 3/3

Anh Dương có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm. Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản nghị án kết thúc vào 10 giờ 35 phút cùng ngày./.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN ĐỒN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Túc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Cầu và bà Nguyễn Thị Quả

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vào hồi giờ phút ngày 26 tháng 5 năm 2017, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện VĐ, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Ánh Tuyết - sinh năm: 1988

Nơi ĐKKHKT: Khu 3, thị trấn Cái Rồng, huyện VĐ, tỉnh QN.

Chỗ ở: Đội 9, xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên, tỉnh QN.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Chung - sinh năm: 1983

Nơi ĐKKHKT: Khu 3, thị trấn Cái Rồng, huyện VĐ, tỉnh QN.

Chỗ ở: Khu 2, thị trấn Cái Rồng, huyện VĐ, tỉnh QN.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên toà, tranh luận tại phiên toà.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về yêu cầu khởi kiện và căn cứ pháp luật để quyết định:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Ánh Tuyết. Chị Vũ Thị Ánh Tuyết được ly hôn anh Nguyễn Thành Chung. Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về con chung:

Giao cho chị Vũ Thị Ánh Tuyết trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Vũ Phong - 16/9/2011 cho đến khi con thành niên (18 tuổi). Anh Nguyễn Thành Chung không phải cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Vũ Phong.

Anh Nguyễn Thành Chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con Nguyễn Vũ Phong mà không ai được cản trở. Kết quả biểu quyết: 03/03.

3. Về án phí:

Chị Vũ Thị Ánh Tuyết phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đồng chị Tuyết đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002926 ngày 29/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VĐ, tỉnh QN, chị Tuyết đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Tuyết và anh Chung có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản nghị án kết thúc vào giờ phút cùng ngày./.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa